TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 104/2018/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Phả, ngày 23 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Hữu S**, sinh năm: xxxx;

- Bị đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm: xxxx;

Cùng ĐKHKTT tại: Tổ B, khu N1, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, thu và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Hữu S và chị Bùi Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Phạm Hữu S có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Phương Yến C, sinh ngày xx/x/xxxx; chị Bùi Thị N có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Tuệ N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho đến khi các con chung đến tuổi thành

niên (tròn 18 tuổi). Anh S, chị N không phải cấp dưỡng cho con chung và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh Phạm Hữu S tự nguyện nộp cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 000xxxx ngày xx/x/xxxx tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C. Anh Phạm Hữu S được trả lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDTP C;
- Chi cục THADSTP C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh